ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 96/QĐ-UBND	*Quận Lê Chân, ngày 17 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức quận Lê Chân năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 268/KH-UBND ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc tuyển dụng viên chức quận Lê Chân năm 2022;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức quận Lê Chân năm 2022 tại Báo cáo số 29/BC-HĐTDVC ngày 16/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức quận Lê Chân năm 2022 đối với 100 thí sinh đủ điều kiện tham gia thi vòng 2, cụ thể:

1. Số thí sinh trúng tuyển viên chức: 47.

2. Số thí sinh không trúng tuyển viên chức: 41.

3. Số thí sinh bỏ thi: 12.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022 thông báo công khai Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng trên Cổng thông tin điện tử quận và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo quy định.

2. Giao phòng Nội vụ quận tham mưu Ủy ban nhân dân quận tiếp tục triển khai các công việc theo quy định để hoàn thành việc tuyển dụng viên chức năm 2022.

Phối hợp với Công an thành phố và các cơ quan liên quan thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển viên chức đảm bảo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm thời gian hoàn thành theo quy định; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, chỉ đạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ quận, Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phiệt

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo UBND quận;
- Hội đồng tuyển dụng viên chức;
- Cổng thông tin điện tử quận;
- Các trường MN, TH, THCS thuộc quận;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao quận;
- Lưu: VT, NV.

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN

DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC QUẬN LÊ CHÂN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân)

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao quận											
1	Phạm Minh	Hưng	15/10/1990	Nam	01	Đại học sư phạm Thể dục thể thao	Nghiệp vụ xây dựng phong trào thể thao cơ sở; huấn luyện viên	90		90	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị	Mị	21/08/1980	Nữ	02	Cử nhân kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ hành chính văn thư lưu trữ	Kế toán kiêm Văn thư	69,6		69,6	Trúng tuyển

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN

DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC QUẬN LÊ CHÂN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân)

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
Vị trí giáo viên mầm non											
1	Trịnh Thị Diệu	Ái	28/02/1998	Nữ	03	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	89,3		89,3	Trúng tuyển
2	Vũ Thị	Hà	16/10/1992	Nữ	04	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	87,7		87,7	Trúng tuyển
3	Bùi Thị	Hoài	03/02/1995	Nữ	05	Cao đẳng giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	78,3		78,3	Trúng tuyển
4	Trần Thị	Hồng	02/9/1990	Nữ	06	Cao đẳng giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	84,3		84,3	Trúng tuyển
5	Phạm Thị	Hồng	02/10/2000	Nữ	07	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	78,3		78,3	Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/4/1985	Nữ	08	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	78		78	Trúng tuyển
7	Nguyễn Thị	Linh	07/03/2000	Nữ	09	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	75		75	
8	Nguyễn Thị Hồng	Linh	15/02/1999	Nữ	10	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	71,3		71,3	

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
9	Nguyễn Thị Mai	Phương	06/11/2000	Nữ	12	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	89		89	Trúng tuyển
10	Trần Lan	Phương	25/02/1990	Nữ	11	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	73,7		73,7	
11	Nguyễn Thị	Phượng	05/8/1999	Nữ	13	Đại học giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	70,3		70,3	
12	Đỗ Thị	Thảo	16/9/1996	Nữ	14	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	82,7		82,7	Trúng tuyển
13	Đỗ Thị Hoài	Thu	27/11/1996	Nữ	15	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	73,3		73,3	
14	Trần Anh	Thư	10/4/1998	Nữ	16	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	83,3		83,3	Trúng tuyển
15	Nguyễn Hoài	Thương	18/05/2000	Nữ	17	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	70,3		70,3	
16	Đặng Thị	Thùy	28/02/1996	Nữ	18	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	51,3		51,3	
17	Đào Thị Huyền	Trang	12/12/1989	Nữ	19	Đại học giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	50		50	
18	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	05/11/1992	Nữ	20	Đại học giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	88		88	Trúng tuyển
19	Đỗ Thị	Vân	25/09/1999	Nữ	21	Cử nhân giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	87	5	92	Trúng tuyển

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
KHỐI TIỂU HỌC											
Vị trí Giáo viên Văn hóa											
1	Phùng Thị Phương	Anh	12/9/1998	Nữ	22	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	83,0		83,0	Trúng tuyển
2	Vũ Thị	Anh	17/02/1998	Nữ	24	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	57,7		57,7	
3	Đoàn Thị Quỳnh	Anh	08/10/2000	Nữ	23	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	54,0		54,0	
4	Trần Thị Ngọc	Bích	26/10/1999	Nữ	25	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	80,0		80,0	Trúng tuyển
5	Ngô Thị Khánh	Chi	31/01/2000	Nữ	26	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	92,3		92,3	Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Thanh	Hà	29/8/1997	Nữ	27	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	bỏ thi		bỏ thi	
7	Nguyễn Thúy	Hằng	24/7/1999	Nữ	28	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	30,0		30,0	
8	Đỗ Thị	Hiền	26/5/1986	Nữ	29	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	bỏ thi		bỏ thi	
9	Nguyễn Thị Thu	Hoài	02/03/1988	Nữ	30	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	bỏ thi		bỏ thi	
10	Lương Thị Trần	Hòe	06/02/1999	Nữ	31	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	55,3		55,3	
11	Đỗ Thu	Hường	05/02/1997	Nữ	32	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	84,0		84,0	Trúng tuyển
12	Trần Thị Thanh	Huyền	02/6/1995	Nữ	33	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	78,3		78,3	
13	Phạm Diệu	Linh	20/02/2000	Nữ	36	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	40,0		40,0	
14	Nguyễn Thị Diệu	Linh	24/6/2000	Nữ	35	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	35,0		35,0	

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
15	Phạm Huyền	Linh	12/11/1996	Nữ	34	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	20,0		20,0	
16	Phạm Thị Mai	Loan	08/10/1999	Nữ	37	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	37,0		37,0	
17	Nguyễn Hà Thảo	Ly	24/02/2000	Nữ	38	Cử nhân Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Văn hóa	86,0		86,0	Trúng tuyển
18	Đỗ Thị Thanh	Mai	14/10/1995	Nữ	40	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	82,0		82,0	Trúng tuyển
19	Đặng Thị Phương	Nam	26/03/1997	Nữ	39	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	45,0		45,0	
20	Đỗ Quỳnh	Nga	29/8/1997	Nữ	41	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	76,0		76,0	
21	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/01/2000	Nữ	42	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	bỏ thi		bỏ thi	
22	Nguyễn Như	Phương	24/01/1999	Nữ	43	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	66,7		66,7	
23	Nguyễn Thị	Phượng	01/10/1992	Nữ	44	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	bỏ thi		bỏ thi	
24	Trần Thị Phương	Thảo	12/03/1999	Nữ	45	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	71,0		71,0	
25	Nguyễn Thị	Thoa	28/6/1988	Nữ	46	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	70,0		70,0	
26	Phạm Thị	Thu	04/7/1994	Nữ	47	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	90,0		90,0	Trúng tuyển
27	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	03/7/1999	Nữ	48	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	bỏ thi		bỏ thi	
28	Nguyễn Minh	Trang	28/11/2000	Nữ	53	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	84,0		84,0	Trúng tuyển
29	Nguyễn Thu	Trang	08/8/2000	Nữ	50	Đại học Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	81,0		81,0	Trúng tuyển
30	Đào Thị Vân	Trang	09/12/2000	Nữ	49	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	62,0		62,0	

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
31	Hà Thu	Trang	05/05/1999	Nữ	51	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	57,3		57,3	
32	Vũ Phạm Thu	Trang	11/6/1999	Nữ	52	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	56,0		56,0	
33	Phạm Quốc	Trung	25/12/1999	Nam	54	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	62,3		62,3	
34	Nguyễn Thị Thu	Uyên	30/6/2000	Nữ	55	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	84,3		84,3	Trúng tuyển
35	Lê Phương	Uyên	15/5/2000	Nữ	56	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	91,0		91,0	Trúng tuyển
36	Trần Thị Bích	Vân	16/01/1998	Nữ	57	Cử nhân Giáo dục tiểu học	Giáo viên Văn hóa	90,7		90,7	Trúng tuyển
Vị trí Giáo viên Ngoại ngữ											
1	Trần Thị Kim	Dung	30/10/1978	Nữ	58	Cử nhân Tiếng Anh, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ	Giáo viên Ngoại ngữ	71,3		71,3	Trúng tuyển
2	Trần Thị	Hậu	04/6/1987	Nữ	59	Cử nhân Tiếng Anh, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Ngoại ngữ	86,0		86,0	Trúng tuyển
3	Trần Thị	Huyền	16/05/1982	Nữ	60	Cử nhân sư phạm ngoại ngữ ngành Tiếng Anh sư phạm	Giáo viên Ngoại ngữ	78,0		78,0	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị	Kiều	13/02/1980	Nữ	61	Cử nhân ngôn ngữ Anh, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên	Giáo viên Ngoại ngữ	55,7	5	60,7	
5	Phạm Hương	Liên	06/02/2000	Nữ	62	Đại học Sư phạm Tiếng Anh - Tiếng Nhật	Giáo viên Ngoại ngữ	77,7		77,7	Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị	Linh	10/10/1999	Nữ	63	Đại học sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Ngoại ngữ	bỏ thi		bỏ thi	
7	Đào Minh	Thúy	21/9/1996	Nữ	64	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Ngoại ngữ	85,0		85,0	Trúng tuyển
8	Nguyễn Thu	Thủy	23/10/1991	Nữ	65	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh, Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Giáo viên Ngoại ngữ	76,0		76,0	Trúng tuyển

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ											
Vị trí Giáo viên Toán											
1	Phạm Thị Phương	Anh	17/12/1998	Nữ	67	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	88,3		88,3	Trúng tuyển
2	Đặng Thị Ngọc	Anh	04/4/1998	Nữ	66	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	88,0		88,0	Trúng tuyển
3	Đỗ Thị	Bình	02/02/1991	Nữ	68	Cử nhân sư phạm Toán học, Thạc sĩ lý luận và PPDH bộ môn Toán	Giáo viên Toán	bỏ thi		bỏ thi	
4	Hoàng Thảo	Chi	23/8/1995	Nữ	69	Cử nhân sư phạm Toán, Thạc sĩ phương pháp Toán sơ cấp	Giáo viên Toán	75,0		75,0	
5	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	15/02/1994	Nữ	71	Đại học sư phạm Toán học, Thạc sĩ lý luận và PPDH bộ môn Toán	Giáo viên Toán	91,0		91,0	Trúng tuyển
6	Vũ Thị	Hạnh	19/6/1990	Nữ	70	Đại học sư phạm Toán - Hóa	Giáo viên Toán	88,7		88,7	Trúng tuyển
7	Đoàn Thị Minh	Hậu	29/10/1998	Nữ	72	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	75,7		75,7	
8	Đặng Thị	Hồng	20/10/1995	Nữ	73	Cử nhân sư phạm Toán	Giáo viên Toán	76,7		76,7	
9	Nguyễn Thị	Khuyên	12/03/1988	Nữ	74	Cử nhân sư phạm Toán - Hóa	Giáo viên Toán	80,0	5	85,0	
10	Cao Ngọc	Linh	27/12/1999	Nữ	75	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	72,0		72,0	
11	Đỗ Diệu	Linh	18/8/1999	Nữ	76	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	60,0		60,0	
12	Ninh Ngọc	Minh	27/9/2000	Nữ	78	Cử nhân sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	88,0		88,0	Trúng tuyển
13	Trần Tân	Minh	06/11/1998	Nam	77	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	65,3		65,3	
14	Vũ Thị	Nhung	30/01/1984	Nữ	79	Cử nhân sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	77,7		77,7	
15	Vũ Duy	Phước	06/11/1998	Nam	80	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	82,0		82,0	

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
16	Đỗ Sỹ	Quyết	23/4/2000	Nam	81	Cử nhân sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	88,0		88,0	Trúng tuyển
17	Phạm Thị Khánh	Quỳnh	03/10/1998	Nữ	82	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	bỏ thi		bỏ thi	
18	Phạm Phương	Thảo	01/01/1998	Nữ	83	Đại học sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	bỏ thi		bỏ thi	
19	Vũ Thị	Thúy	06/01/1988	Nữ	84	Cử nhân sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	bỏ thi		bỏ thi	
20	Đinh Thị Thu	Thùy	02/01/1995	Nữ	85	Cử nhân sư phạm Toán	Giáo viên Toán	57,5		57,5	
21	Phạm Thị Hồng	Trinh	24/10/1996	Nữ	86	Cử nhân sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	87,7		87,7	Trúng tuyển
22	Phạm Nguyễn Việt	Trung	07/06/2000	Nam	87	Cử nhân sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	61,2		61,2	
23	Đào Hải	Yến	16/8/1991	Nữ	88	Cử nhân sư phạm Toán học	Giáo viên Toán	68,5		68,5	
Vị trí Giáo viên Ngữ văn											
1	Bùi Thị	Hương	20/12/1987	Nữ	89	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	bỏ thi		bỏ thi	
2	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/11/2000	Nữ	90	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	90,3		90,3	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị	Minh	30/9/1987	Nữ	91	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	61,0		61,0	
4	Phạm Thị	Phượng	20/02/1996	Nữ	92	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	86,0		86,0	Trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	30/11/2000	Nữ	93	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	89,3		89,3	Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Minh	Thu	16/11/1999	Nữ	94	Đại học sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	80,3		80,3	
7	Ngô Bảo	Trân	16/8/2000	Nữ	95	Cử nhân sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn	84,3		84,3	Trúng tuyển

STT	Họ	và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm xét tuyển vòng 2			Ghi chú
								Điểm thực hành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
Vị trí Giáo viên Sinh											
1	Đỗ Thị Mai	Trang	28/8/1995	Nữ	96	Cử nhân sư phạm Sinh học	Giáo viên Sinh	85,7		85,7	Trúng tuyển
Vị trí Giáo viên Thể dục											
1	Nguyễn Hồng	Phúc	02/01/1980	Nam	97	Cử nhân sư phạm Thể dục thể thao	Giáo viên Thể dục	89,7		89,7	Trúng tuyển
Vị trí Giáo viên công nghệ											
1	Trần Thị Thủy	Vân	14/7/1991	Nữ	98	Đại học sư phạm kỹ thuật công nghiệp	Giáo viên công nghệ	92		92	Trúng tuyển
Vị trí Giáo viên Địa lý											
1	Bùi Thị	Kha	28/7/1996	Nữ	99	Cử nhân sư phạm Địa lý	Giáo viên Địa lý	70,7		70,7	Trúng tuyển
Vị trí Giáo viên Mỹ thuật											
1	Hoàng Đức	Anh	18/03/1983	Nam	100	Đại học sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Mỹ thuật	81		81	Trúng tuyển

Tổng số: 100 thí sinh./.